TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST.
Ngày 15 - 6 -2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Huy Tùng.

Ông Nguyễn Văn Hòa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ông Thị Cành Nha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLST-DS, ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST- DS ngày 17 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng Ch. Địa chỉ trụ sở chính: phố L, phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Trần Nguyễn Khoa Đ; Sinh năm: 1980 – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng - Là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/4/2021 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng *(Có mặt)*.

* *Bị đơn*: Lý Thị C; Sinh năm: 1978. Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 01 năm 2021, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/7/2017, Ngân hàng Ch có hợp đồng cho bà Lý Thị C vay vốn số tiền 12.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay là xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi trường, lãi suất 0,75%/tháng, lãi quá hạn 0,975%/tháng. Thời hạn vay là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ là 06 tháng/01 lần, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 14/7/2022, số dự trên số nợ đến ngày 31/12/2020 là 12.000.000 đồng.

Ngày 14/7/2017, Ngân hàng Ch tiếp tục hợp đồng cho bà Lý Thị C vay vốn số tiền 27.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay là chăn nuôi bò, lãi suất 0,66%/tháng, lãi quá hạn 0,858%/tháng. Thời hạn vay là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ là 12 tháng/01 lần, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 14/7/2022, số dự trên số nợ đến ngày 31/12/2020 là 27.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận thì bà C phải trả lãi định kỳ hàng tháng vào ngày 14, trả nợ gốc theo phân kỳ 12 tháng 01 lần. Tuy nhiên đến nay bà Lý Thị C không thực hiện đúng theo hợp đồng. Tính đến ngày 15/6/2021, bà Lý Thị C còn nợ Ngân hàng Ch tổng số tiền gốc và lãi là 41.792.130 đồng (trong đó bao gồm: nợ gốc 02 hợp đồng là 39.000.000 đồng, tiền lãi là 2.792.130 đồng).

Để đảm bảo nguồn vốn của Nhà nước, Ngân hàng Ch yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc bà Lý Thị C phải trả hết số nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng Ch, cụ thể như sau:

- Nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 6600000710743354, vay ngày 14/7/2017 là: 12.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 15/6/2021 DL là 1.098.025 đồng và lãi phát sinh được tính tiếp kể từ ngày 16/6/2021 cho đến ngày bà Lý Thị C trả tất nợ cho Ngân hàng theo lãi suất nợ quá hạn là 0,975%/tháng.

- Nợ gốc của hợp đồng tín dụng số: 6600000710742895, vay ngày 14/7/2017 là 27.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 15/6/2021 DL là 1.694.105 đồng và lãi phát sinh được tính tiếp kể từ ngày 16/6/2021 DL cho đến ngày bà Lý Thị C trả tất nợ cho Ngân hàng theo lãi suất nợ quá hạn là 0,858%/tháng.

* Bị đơn là bà Lý Thị C đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ và được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, bà C không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà C.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người đại diện của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của

pháp luật về Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 117, điều 119, điều 398, điều 422, điều 427, điều 463 và điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Điều 1, Điều 2, Điều 13 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính buộc bị đơn phải hoàn trả tiền cho Ngân hàng Ch số tiền gốc và tiền lãi và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Về án phí buộc các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Lý Thị C là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà C.

[1.2] Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Ngân hàng Ch thì vào ngày 14/7/2017 giữa Ngân hàng Ch và bà Lý Thị C có ký 02 hợp đồng tín dụng cho bà Lý Thị C vay tổng số tiền là 39.000.000 đồng. Do bà Lý Thị C vi phạm hợp đồng không trả tiền đúng hạn cho Ngân hàng, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Lý Thị C phải có trách nhiệm hoàn trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng và tiền lãi phát sinh cho đến ngày bà C trả tất nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp Hợp đồng tín dụng là Tranh chấp về dân sự. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Sau khi ký kết các Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Lý Thị C vay tổng số tiền là 39.000.000 đồng. Bà Lý Thị C phải thực hiện nghĩa vụ góp lãi cho Ngân hàng hàng tháng và trả tất vốn vay khi đến hạn hợp đồng, nhưng từ khi vay cho đến nay bà Lý Thị C chỉ góp lãi cho Ngân hàng được 01 thời gian thì ngưng không góp lãi cho Ngân hàng. Bà Lý Thị C thực hiện không đúng theo giao kết, đã vi phạm 02 (Hai) Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Nay Ngân hàng Ch yêu cầu bà Lý Thị C phải trả hết số nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng Ch, cụ thể như sau: Nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 6600000710743354, vay

ngày 14/7/2017 là: 12.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 15/6/2021 DL là 1.098.025 đồng và lãi phát sinh được tính tiếp kể từ ngày 16/6/2021 cho đến ngày bà Lý Thị C trả tất nợ cho Ngân hàng theo lãi suất nợ quá hạn là 0,975%/tháng và Nợ gốc của hợp đồng tín dụng số: 6600000710742895, vay ngày 14/7/2017 là 27.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 15/6/2021 DL là 1.694.105 đồng và lãi phát sinh được tính tiếp kể từ ngày 16/6/2021 DL cho đến ngày bà Lý Thị C trả tất nợ cho Ngân hàng theo lãi suất nợ quá hạn là 0,858%/tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Để chứng minh cho việc bà C vay vốn, Ngân hàng cung cấp cho Tòa án các chứng cứ như: 01 (Một) Bộ hồ sơ vay vốn của bà Lý Thị C ngày 14/7/2017 (Bản sao có chứng thực); 01 (Một) Quyết định thành lập Phòng giao dịch Ngân hàng Ch số 90/QĐ-HĐQT, ngày 05/11/2020 (Bản sao có chứng thực) và các giấy tờ khác có liên quan. Sau khi nhận được đơn khởi kiện của Ngân hàng Ch, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề có gửi thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu của Ngân hàng Ch và Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà Lý Thị C, nhưng bà C không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Ch.

Xét thấy về hình thức và nội dụng, trình tự thủ tục các văn bản này là phù hợp theo quy định, nên có giá trị làm chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Ch cho rằng bà C có vay tổng số tiền là 39.000.000 đồng theo các Hợp đồng tín dụng số 6600000710743354, vay ngày 14/7/2017 và Hợp đồng tín dụng số 6600000710742895, vay ngày 14/7/2017 là phù hợp với thực tế khách quan và có căn cứ pháp luật.

Xét về nội dung: Hợp đồng tín dụng số 6600000710743354, vay ngày 14/7/2017 và Hợp đồng tín dụng số 6600000710742895, vay ngày 14/7/2017 giữa Ngân hàng Ch và bà Lý Thị C xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức và nội dung giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Điều 1, Điều 2 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính, cho nên Hợp đồng tín dụng nêu trên có giá trị pháp lý thực hiện. Xét thấy, bà C thực hiện không đúng theo giao kết, đã vi phạm Hợp đồng mà các bên đã ký kết, bà C là người có lỗi và là người vi phạm Hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Ch khởi kiện yêu cầu bà C trả nợ là đúng theo quy định tại Điều 25 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Ngân hàng Ch) yêu cầu bà Lý Thị C phải trả hết số nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng Ch, cụ thể: Nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 6600000710743354, vay ngày 14/7/2017 tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 15/6/2021 DL là 13.098.025

đồng (trong đó: Tiền gốc là: 12.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 15/6/2021 DL là 1.098.025 đồng) và lãi phát sinh được tính tiếp kể từ ngày 16/6/2021 cho đến ngày bà Lý Thị C trả tất nợ cho Ngân hàng theo lãi suất nợ quá hạn là 0,975%/tháng và Nợ gốc của hợp đồng tín dụng số: 6600000710742895, vay ngày 14/7/2017 tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 15/6/2021 DL là 28.694.105 đồng (trong đó: Tiền gốc là 27.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 15/6/2021 DL là 1.694.105 đồng) và lãi phát sinh được tính tiếp kể từ ngày 16/6/2021 DL cho đến ngày bà Lý Thị C trả tất nợ cho Ngân hàng theo lãi suất nợ quá hạn là 0,858%/tháng. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 13 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Do vậy, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Lý Thị C phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Ch số tiền gốc và lãi, cụ thể: Nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 6600000710743354, vay ngày 14/7/2017 tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 15/6/2021 DL là 13.098.025 đồng (trong đó: Tiền gốc là: 12.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 15/6/2021 DL là 1.098.025 đồng) và lãi phát sinh được tính tiếp kể từ ngày 16/6/2021 cho đến ngày bà Lý Thị C trả tất nợ cho Ngân hàng theo lãi suất nợ quá hạn là 0,975%/tháng và Nợ gốc của hợp đồng tín dụng số: 6600000710742895, vay ngày 14/7/2017 tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 15/6/2021 DL là 28.694.105 đồng (trong đó: Tiền gốc là 27.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 15/6/2021 DL là 1.694.105 đồng) là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại các điều 117, điều 119, điều 398, điều 422, điều 427, điều 463 và điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 của Thông tư số: 39/2010/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính. Đối với bà Lý Thị C sau khi nhận văn bản thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu của Ngân hàng Ch thì bà C không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Ch. Do đó, Hội đồng xét xử xem như bà C đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Ch. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện Ngân hàng Ch không cần phải chứng minh. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Ch. Vì vậy, cần xử buộc bà Lý Thị C phải có trách nhiệm hoàn trả tiền cho Ngân hàng Ch tổng số tiền gốc và tiền lãi theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Đối với hợp đồng tín dụng số 6600000710743354, vay ngày 14/7/2017: Buộc bà Lý Thị C phải hoàn trả cho Ngân hàng Ch tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 15/6/2021 DL là 13.098.025 đồng *(Mười ba triệu không trăm chín mươi tám ngàn không trăm hai mươi lăm đồng)* và tiền lãi phát sinh được tính tiếp

từ ngày 16/6/2021 cho đến ngày bà Lý Thị C trả tất nợ cho Ngân hàng theo lãi suất nợ quá hạn là 0,975%/tháng.

- Đối với hợp đồng tín dụng số 6600000710742895, vay ngày 14/7/2017: Buộc bà Lý Thị C phải hoàn trả cho Ngân hàng Ch tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 15/6/2021 DL là 28.694.105 đồng (*Hai mươi tám triệu sáu trăm chín mươi bốn ngàn một trăm lẽ năm đồng)* và tiền lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 16/6/2021 cho đến ngày bà Lý Thị C trả tất nợ cho Ngân hàng theo lãi suất nợ quá hạn là 0,858%/tháng.

[3]Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bà Lý Thị C phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.089.606 đồng; Ngân hàng Ch không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do Ngân hàng Ch thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên Ngân hàng Ch không thuộc trường hợp được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, điều 119, điều 398, điều 422, điều 427, điều 463 và điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Điều 1, Điều 2, Điều 13 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số: 08/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Ch.

- Buộc bà Lý Thị C phải hoàn trả cho Ngân hàng Ch tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 15/6/2021 DL là 13.098.025 đồng *(Mười ba triệu không trăm chín mươi tám ngàn không trăm hai mươi lăm đồng)* và tiền lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 16/6/2021 cho đến ngày bà Lý Thị C trả tất nợ cho Ngân hàng theo lãi suất nợ quá hạn là 0,975%/tháng.

- Buộc bà Lý Thị C phải hoàn trả cho Ngân hàng Ch tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 15/6/2021 DL là 28.694.105 đồng (*Hai mươi tám triệu sáu trăm chín mươi bốn ngàn một trăm lẽ năm đồng)* và tiền lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 16/6/2021 cho đến ngày bà Lý Thị C trả tất nợ cho Ngân hàng theo lãi suất nợ quá hạn là 0,858%/tháng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lý Thị C phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.089.606 đồng *(Hai triệu không trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm lẽ sáu đồng)*; Ngân hàng Ch không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do Ngân hàng Ch thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên Ngân hàng Ch không thuộc trường hợp được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Ngân hàng Ch có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn là bà Lý Thị C không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Mỹ Xuyên